



BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN – DỊCH VỤ TÀU BIỂN – PHƯƠNG TIỆN THỦY

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG BẾN NGHÉ

(THANH TOÁN BẰNG VNĐ – ĐÃ BAO GỒM THUẾ GTGT 10%)

(Ban hành kèm theo QĐ số: 284/QĐ-CBN, ngày 30/12/2022)

-----oOo-----

PHẦN A QUY ĐỊNH CHUNG

I/ Đối tượng áp dụng:

- Các khách hàng trong nước.
- Các chủ phương tiện vận tải thủy Việt Nam vận chuyển hàng giữa các cảng biển trong nước.
- Các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có liên quan đến thu, nộp phí, lệ phí hàng hải.

II/ Thời gian làm việc: ngày làm việc bình thường từ 7.30 giờ – 17.00 giờ, công nhân bốc xếp liên tục 3 ca (kể cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết)

III/ Đơn vị tính giá dịch vụ cảng biển và cách quy tròn:

3.1 Đơn vị trong lượng hoặc khối lượng:

- Đơn vị tính là tấn (T), tấn qui đổi (RT) hoặc khối (m³), phần lẻ dưới 0.5T (RT) hoặc 0.5 m³ không tính, từ 0.5T (RT) hoặc 0.5 m³ trở lên tính 1T (RT) hoặc 1 m³
- Trường hợp trong một vận đơn lẻ, trọng lượng hoặc khối lượng tối thiểu để tính cước là 1T (RT) hoặc 1 m³
- Hàng hóa có Tỷ lệ số khối và số tấn từ 2 trở lên, tính theo tấn qui đổi:
 $2 \text{ m}^3 = 1 \text{ tấn qui đổi (RT)}$
- Trọng lượng tính giá dịch vụ cảng biển là trọng lượng hàng hóa kể cả bao bì.
- Những mặt hàng được tính đổi về trọng lượng để tính giá xếp dỡ, lưu kho/bãi:
 - + Các loại động vật sống (trâu, bò, ngựa ...) : 01 con = 1 tấn
 - + Thùng, can, hộp, chai rỗng : 01 m³ = 5 tấn

3.2 Đơn vị thời gian

- Đối với đơn vị thời gian là tháng: 1 tháng tính là 30 ngày, phần lẻ của tháng từ 15 ngày trở xuống tính ½ tháng, trên 15 ngày tính 1 tháng
- Đối với đơn vị thời gian là ngày: 1 ngày tính là 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính ½ ngày, trên 12 giờ tính 1 ngày
- Đối với đơn vị thời gian là giờ : 1 giờ tính bằng 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính ½ giờ, trên 30 phút tính bằng 1 giờ
- Một ca tính bằng 8 giờ, ½ ca tính bằng 4 giờ.

3.3 Đơn vị tính dung tích toàn phần:

- Dung tích toàn phần – GROSS TONNAGE (GT) của tàu thủy, phương tiện thủy là dung tích toàn phần (GT) lớn nhất của tàu thủy ghi trên giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm.
- Quy đổi: phần lẻ dưới 0,5GT không tính; từ 0,5 GT tính tròn 1 GT.
- Những phương tiện thủy không ghi GT tính đổi như sau:



- 
- + Tàu thủy chở hàng: 1,5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT
 - + Tàu kéo, tàu đẩy: 1 mã lực (HP/CV) tính bằng 0,5 GT
 - + Sà lan, ghe: 1,5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT

3.4 Đơn vị công suất máy:

- Công suất máy được tính bằng mã lực (Horse Power – HP hay Cheval Vapeur – CV) trên máy chính của tàu thủy hoặc kilowat (KW).
- Quy đổi: phần lẻ dưới 1 HP/CV/KW tính tròn thành 1 HP/CV/KW

IV/ Cách xác định giá dịch vụ cho tàu biển vào ra cảng:

Tàu thủy không phân biệt quốc tịch, được Nhà nước Việt Nam cho phép hoạt động vận tải nội địa, nếu trong một chuyến hành trình đồng thời tham gia hoạt động vận tải quốc tế và vận tải nội địa thì tại mỗi cảng biển Việt Nam việc áp dụng biểu mức thu quốc tế hay nội địa được xác định như sau:

- **Lướt vào cảng:** được áp dụng biểu mức thu nội địa nếu đồng thời có đủ 02 điều kiện sau:
 - + Tàu thủy đến từ một cảng biển Việt Nam khác.
 - + Khi vào cảng tàu thủy chạy rỗng hoặc chỉ chở hàng nội địa (thực tế khi vào cảng trên tàu hoàn toàn không có hàng xuất hoặc nhập khẩu).Nếu tàu thủy không đồng thời hội đủ 02 điều kiện trên thì áp dụng biểu mức thu quốc tế.
- **Lướt rời cảng:** được áp dụng biểu mức thu nội địa nếu đồng thời có đủ 02 điều kiện sau:
 - + Tàu thủy rời cảng để đi đến một cảng Việt Nam khác.
 - + Khi tàu rời cảng tàu thủy chạy rỗng hoặc chỉ chở hàng nội địa (thực tế khi rời cảng trên tàu hoàn toàn không có hàng xuất hoặc nhập khẩu).Nếu tàu thủy không đồng thời hội đủ 02 điều kiện trên thì áp dụng biểu mức thu quốc tế.

PHẦN B

GIÁ DỊCH VỤ TÀU BIỂN – PHƯƠNG TIỆN THỦY

I/ Giá cầu bến, phao neo:

Tàu thủy, phương tiện thủy cập cầu, buộc phao để xếp dỡ hàng hóa phải trả theo đơn giá sau (đã bao gồm phí sử dụng cầu bến theo Thông tư số: 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ GTVT ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tại Cảng biển Việt Nam và giá các dịch vụ tiện ích).

1. Tàu:

- + Đổ tại cầu : 20.90 đồng/GT – giờ
- + Đổ tại phao, cập mạn tại cầu : 14.30 đồng/GT – giờ
- + Cập mạn tàu khác đang neo/đậu tại cầu/phao : 80% đơn giá đổ tại cầu/phao
- + Tàu < 2.000 GRT cập cầu : 1.100.000 đồng / tàu - ngày
- + Khi nhận được lệnh rời Cảng, nếu phương tiện trên vẫn chiếm cầu, phao : tính bằng đơn giá cập cầu / phao

2. Sà lan, ghe thuyền cập cầu / cập mạn:

- + Nhận hàng bao, hàng khác : 1.320 đồng/tấn phương tiện – ngày
- + Container : 330.000 đồng/phương tiện – ngày

3. Mức thu tối thiểu:

- + Một lần sà lan/ghe cập cầu / cập mạn : 198.000 đồng/phương tiện – ngày
- + Một lần tàu biển cập mạn tàu neo/đậu tại cầu/phao : 440.000 đồng/tàu – ngày (áp dụng đối với GRT ≤ 1.200)
- + Một lần tàu biển cập phao : 4.620.000 đồng/3 ngày đầu tiên
- Từ ngày thứ 4 trở đi : 1.540.000 đồng/ngày

- 4. Trường hợp tàu đỗ nhiều nơi trong phạm vi Cảng, tiền cầu bến tính theo thời gian và đơn giá thực tế phương tiện đỗ từng khu vực, sau đó cộng lại.

II/ Giá dịch vụ buộc mở dây:

1. Tại cầu, phao:

Đơn vị tính: đồng/lần buộc hoặc mở

TRỌNG TẢI TÀU	TẠI CẦU	TẠI PHAO
Từ 4.000 GT trở xuống	847.000	1.430.000
Từ 4.001 GT đến 10.000 GT	1.265.000	1.870.000
Từ 10.001 GT đến 15.000 GT	1.540.000	2.420.000
Từ 15.001 GT đến 20.000 GT	1.815.000	2.750.000
Từ 20.001 GT trở lên	2.200.000	3.300.000

- 2. Các trường hợp khác: Buộc mở dây cho tàu cập mạn, tính bằng đơn giá tàu cập cầu.

III/ Giá dịch vụ đóng mở nắp hầm hàng:

1. Trường hợp sử dụng cần cẩu tàu/cầu bờ:

Đơn vị tính: đồng/lần đóng hoặc mở - hầm

Trọng tải tàu	Nắp hầm để lại trên boong	Nắp hầm đưa lên bờ
Từ 5.000 GT trở xuống	181.500	242.000
Từ 5.001 GT đến 10.000 GT	242.000	363.000
Từ 10.001 GT trở lên	418.000	726.000

2. **Trường hợp tàu có 2 boong (TWEEN DECK):** tăng 150% đơn giá mục III.1

IV/ Các loại giá dịch vụ khác:

Khi Chủ tàu có yêu cầu, Cảng và Chủ tàu sẽ thỏa thuận mức giá cho các dịch vụ:

- Quét rửa mặt boong.
- Chằng buộc hàng hóa.
- Các dịch vụ khác chưa nêu ở trên.

*** Các trường hợp khác không qui định trong biểu cước hoặc thay đổi biểu cước này do Tổng Giám đốc quyết định.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Thảo